

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Cửu Hưng;
- Bà Võ Thị Trúc Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Việt Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị (Địa chỉ: Số D-L, thành phố Đ), Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 108/2023/HSST ngày 08 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 130/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2023, đối với bị cáo:

Lê Thị Anh Đ, sinh ngày 06 tháng 3 năm 1977, tại: Tỉnh Quảng Trị; Nơi đăng ký NKTT: Khu phố C, Phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị; Chỗ ở hiện tại: Đ, thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Thanh Đ1 (đã chết) và bà Trần Thị B, sinh năm 1937; Gia đình có bốn người con, bị cáo là con thứ tư; Chồng: Hoàng Phước L (Đã chết); Con: Có bốn người con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Bà Lê Thị T, sinh năm: 1979; địa chỉ: Số A- L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Công ty cổ phần K1; trụ sở đóng tại: P, tầng M, Tòa nhà N, số B- N, phường T, quận T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Anh T1- Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh L1- Trưởng phòng giao dịch Công ty cổ phần K1 chi nhánh thị xã Q; trụ sở đóng tại: Số B - T, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị (*Giấy uỷ quyền số 217/2023/GUQ-F88/TGD ngày 25/6/2023*). Vắng mặt mặt tại phiên tòa (Có đơn xin vắng mặt)

*** Người làm chứng:**

- Ông Nguyễn Văn Đ2, sinh năm: 1955; địa chỉ: Số nhà B- V, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt tại phiên tòa.

- Ông Nguyễn Thượng T2, sinh năm: 1976; địa chỉ: Khu phố G, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 31/8/2022, bị cáo Lê Thị Anh Đ mua lại chiếc xe ô tô biển kiểm soát (*Sau đây viết tắt là:* BKS) 73A-141.36 của anh Đoàn Kim K để làm phương tiện lái xe taxi. Ngày 12/9/2022, Đ được Công an thị xã Q, tỉnh Quảng Trị cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 74000146 (*Sau đây viết tắt là:* Giấy đăng ký số 74000146), BKS 74A-189.25 mang tên Lê Thị Anh Đ.

Ngày 15/9/2022, Đ đưa xe ô tô BKS 74A-189.25 và Giấy đăng ký số 74000146 đến cầm cố tại Công ty cổ phần K1 (*Sau đây viết tắt là:* Công ty K1)- Chi nhánh thị xã Q, tỉnh Quảng Trị. Sau khi trực tiếp định giá xe ô tô, Công ty K1 đồng ý cho Đ vay số tiền 23.669.760 đồng trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày 15/9/2022 đến 15/3/2023, với hình thức: Công ty K1 nhận cầm cố xe ô tô BKS 74A-189.25 và Giấy đăng số 74000146 nhưng cho Đ mượn lại xe ô tô để quản lý, sử dụng trong thời hạn vay (06 tháng). Sau khi thỏa thuận Công ty F88 ký "*Hợp đồng cho vay cầm cố tài sản*" số 20972761906 với Đ và giao xe ô tô BKS 74A-189.25 cho Đào quản lý, sử dụng.

Ngày 20/9/2022, thông qua trang mạng xã hội Facebook, Đ đặt mua 01 Giấy đăng ký xe ô tô giả giống với Giấy đăng ký số 74000146 ngày 12/9/2022 do Công an thị xã Q cấp, với giá 800.000 đồng từ một người (*không rõ lai lịch, địa chỉ*) rồi cất giấu trên xe ô tô BKS 74A-189.25 nhằm mục đích đối phó với Cơ quan Công an khi bị kiểm tra hành chính.

Ngày 01/10/2022, Đ cần tiền chi trả nhiều khoản nợ cá nhân nên đã nảy sinh ý định sử dụng xe ô tô BKS 74A-189.25 và giấy đăng ký giả để đi cầm cố nên nhờ

anh Nguyễn Thượng T2; trú tại: Khu phố G, Phường E, thành phố Đ, tìm chỗ quen biết và anh T2 đã dẫn Đ đến nhà ông Nguyễn Văn Đ2; địa chỉ: Số B - V, thuộc Khu phố H, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Khi đến nhà ông Đ2, Đ không thực hiện được việc cầm cố nên đã thỏa thuận bán xe ô tô BKS 74A-189.25 cho bà Lê Thị T, trú tại số A- L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị- Là người quen biết ông Đ2, với giá 100.000.000 đồng. Hai bên ký kết văn bản “Giấy bán xe ô tô” và Đ giao cho bà T bộ giấy tờ xe gồm: 01 Giấy đăng ký xe số 74000146 giả, 01 Giấy chứng nhận kiểm định số DA211462 của xe ô tô BKS 74A-189.25. Bà T trả trước cho Đ 95.000.000 đồng, còn 5.000.000 đồng hẹn lúc nào ra công chứng chuyển nhượng sẽ trả hết. Ngoài ra, bà T giữ thêm Giấy phép lái xe số 451179001839 của Đ và Giấy phép lái xe số 450111000181 của anh T2, để làm tin.

Đến ngày 20/02/2023, bà T nghi ngờ Giấy đăng ký xe ô tô 74A-189.25 là giả nên đã tố giác vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ.

[I] Vật chứng thu giữ:

(1) Thu giữ của bà Lê Thị T: 01 Giấy đăng ký xe ô tô số: 74000146 do Công an thị xã Q cấp ngày 12/9/2022 mang tên Lê Thị Anh Đ, có hình thức, hình dấu, chữ ký của người có thẩm quyền cấp (Công an thị xã Q) và 01 Giấy bán xe ô tô đề ngày 01/10/2022.

(2) Thu giữ của Công ty cổ phần K1: 01 Giấy đăng ký xe ô tô số 74000146 do Công an thị xã Q cấp ngày 12/9/2022 của xe ô tô biển kiểm soát 74A-189.25.

[II] Kết quả giám định:

(1) Tại Bản kết luận giám định số 321/KL-KTHS ngày 21/3/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh Q, kết luận:

- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 74000146, ghi tên chủ xe Lê Thị Anh Đ, biển số đăng ký: 74A-189.25, ghi Công an thị xã Q cấp ngày 12/9/2022 (Thu giữ của bà Lê Thị T), là giả.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 74000146, ghi tên chủ xe Lê Thị Anh Đ, biển số đăng ký: 74A-189.25, ghi Công an thị xã Q cấp ngày 12/9/2022 (Thu giữ của Công ty cổ phần K1), là thật.

(2) Tại Bản kết luận giám định số 451/KL-KTHS ngày 10/5/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh Q, kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Lê Thị Anh Đ dưới mục “Người ký giấy bán” trên tài liệu cần giám định (Thu giữ của bà T) so với chữ ký, chữ viết mang tên Lê Thị Anh Đ trên tài liệu mẫu so sánh (Do Cơ quan điều tra thu thập) do cùng một người ký, viết ra.

(3) Tại Bản kết luận giám định số 462/KL-KTHS ngày 12/5/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh Q kết luận: Dấu đường vân in trên giấy bán xe ô tô BKS 74A-189.25, ghi ngày 01/10/2022 (Thu giữ của bà T) với dấu đường vân in ở ô “Cái

phải” trên chỉ bản ghi tên Lê Thị Anh Đ (sinh ngày 06/3/1977; nơi cư trú: Khu phố C, Phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị) lập ngày 14/4/2023 là đường vân của cùng một người in ra.

[III] Cáo trạng số 113/CT-VKSĐH ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, truy tố bị cáo Lê Thị Anh Đ về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

[IV] Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Anh Đ, phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 18 đến 21 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 24 đến 27 tháng tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội.

- Về trách nhiệm dân sự: Đào đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ tiền vay cho Công ty K1; Đ và bà T đều có nguyện vọng được tự nguyện tiếp tục thực hiện hợp đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về vật chứng vụ án: Đ và Công ty K1 đã tất toán khoản vay đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Công ty K1 về việc trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 74000146 (Thu giữ của Công ty K1) cho Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[I] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Thấy, quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[II] Nội dung vụ án:

(1) Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị Anh Đ khai:

Chiếc xe ô tô BKS 74A-189.25 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Đ và Đ sử dụng xe ô tô đó để cầm cố tại Công ty K1. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, thì: Đào mượn lại ô tô nhưng chỉ với mục đích duy nhất là để sử dụng mà không được cầm cố, chuyển nhượng nhưng sau khi “mua” được Giấy đăng ký xe ô tô giả, Đ đã sử dụng giấy đăng ký giả để bán xe ô tô BKS 74A-189.25 cho bà T, lấy tiền trả nợ. Bà T lầm tưởng giấy đăng ký giả là giấy đăng ký thật nên đồng ý mua lại chiếc xe ô tô và trả trước cho Đ 95.000.000 đồng, thấy: Lời khai nhận tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng (Ông Nguyễn Văn Đ2) và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở để xác định: Ngày 01/10/2022, tại nhà ông Nguyễn Văn Đ2, ở địa chỉ số B- V, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, bị cáo Lê Thị Anh Đ đã dùng thủ đoạn gian dối, bằng cách: Sử dụng giấy đăng ký xe ô tô giả đã mua được để thực hiện giao dịch mua bán xe ô tô, bà T lầm tưởng giấy đăng ký xe ô tô giả là giấy đăng ký xe ô tô thật nên đồng ý mua lại xe ô tô và trả trước cho Đ 95.000.000 đồng; số tiền có được từ việc bán xe ô tô, Đ đã sử dụng vào việc “Trả nợ cho người khác mà Đ đã vay, mượn trước đó”. Như vậy, hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây mất trật tự an ninh ở địa phương; xâm phạm trật tự, quản lý hành chính của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý con dấu, tài liệu, giấy tờ của cơ quan, tổ chức nên phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa tội phạm.

(2) Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra, truy tố, đặc biệt là tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (chung cho cả hai tội) “*Người phạm tội đã thành khẩn khai báo*” được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, thể hiện: Trả hết nợ tiền vay có cầm cố tài sản để Công ty K1 có văn bản đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại giấy chứng nhận xe ô tô cho bị cáo để bị cáo có đủ điều kiện tiếp tục thực hiện cam kết bán xe ô tô theo yêu cầu của bà T; tại phiên tòa, bị hại (Bà T) xin giảm nhẹ hình phạt cho bị

cáo nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

(3) Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có nhân thân tốt; đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, bị cáo được hưởng **hiều** tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà không chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên cần áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là có căn cứ. Tuy nhiên, bị cáo cùng một lúc phạm 02 tội nên việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn cả hai tội đối với bị cáo là cần thiết và áp dụng thêm điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội để buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung.

(4) Về một số vấn đề liên quan:

- Hành vi bán Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã áp dụng các biện pháp điều tra nhưng không xác định được người đã bán nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Ông Nguyễn Văn Đ2 được bà T nhờ kiểm tra xe ô tô, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 74A-189.25 và giúp bà T viết giấy mua bán xe. Ông Đ2 không quen biết với Đ, không biết hành vi sử dụng Giấy đăng ký giả của Đ nên Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự là có cơ sở.

- Nguyễn Thượng T2 là người giới thiệu Đ đến gặp ông Đ2 để thực hiện giao dịch cầm cố xe nhưng không biết Đ sử dụng Giấy đăng ký giả để bán xe cho bà T nên Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự là có cơ sở.

(5) Về trách nhiệm dân sự:

- Tại phiên tòa, Đ và bà T đều có nguyện vọng được tiếp tục thực hiện cam kết việc mua bán xe ô tô theo “Giấy mua bán xe” ngày 01/10/2022 mà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Trước khi mở phiên tòa, Đ đã trả hết tiền vay của Hợp đồng cho vay cầm cố tài sản số 20972761906, Công ty K1 không có yêu cầu dân sự đối với Đ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

(6) Về vật chứng:

- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 74000146 và Giấy bán xe ô tô đề ngày 01/10/2022 (Thu giữ của bà T) là tài liệu để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên phải lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 74000146 (Thu giữ của Công ty K1): Đào đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ tiền vay và Công ty K1 có văn bản đề nghị trả lại cho Đ nên cần chấp nhận đề nghị của Công ty K1.

(7) Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Lê Thị Anh Đ** phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Lê Thị Anh Đ **15** (Mười lăm) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Lê Thị Anh Đ **24** (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội (“*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”), buộc bị cáo Lê Thị Anh Đ chấp hành hình phạt chung: **39** (Ba mươi chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự

Trả lại cho Lê Thị Anh Đ: 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 74000146 mang tên Lê Thị Anh Đ do Công an thị xã Q cấp ngày 12/9/2022 (*Hiện có trong hồ sơ vụ án*).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí,

Buộc bị cáo Lê Thị Anh Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đông Hà;
- Bị cáo, những người TGTG khác;
- VKSND tỉnh Q.Trị;
- Phòng KTNV TAND tỉnh Q.Trị;
- Công an thành phố Đông Hà;
- Chi cục THADS thành phố Đông Hà;
- Lưu: Hồ sơ vụ án và Tổ HCTP.

Trần Quốc Huy

